

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 01 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Ngọc Bích.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trọng Tảo, bà Trương Thị Dung.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 11/01/2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 171/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/12/2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị Q**, sinh năm 1988;

*Bị đơn:* Anh **Trịnh Xuân Đ**, sinh năm 1987;

*Cùng địa chỉ:* **Xóm E, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.**

*Tại phiên tòa:* Có mặt chị **Q**, anh **Đ**.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị **Vũ Thị Q** trình bày: Chị và anh **Trịnh Xuân Đ** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định ngày 22/10/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì giữa chị và anh **Đ** xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng nên cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Chị **Q** đã chủ động sống ly thân với anh **Đ**, hai bên không còn quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh **Đ**.

Về con chung: Chị và anh **Đ** có 03 con chung là **Trịnh Quang A**, sinh ngày 11/9/2014, **Trịnh Lê Q1**, sinh ngày 10/01/2017 và **Trịnh An N**, sinh ngày 23/6/2020. Chị xin được nuôi dưỡng cả 03 con chung. Nếu anh **Đ** cũng có nguyện vọng nuôi

con chung thì chi đề nghị Tòa án giao cháu **Quang A** cho anh **Đ** nuôi dưỡng, còn giao cháu **Q1** và cháu **N** cho chi nuôi dưỡng. Hiện nay chi đang làm công nhân cho **công ty G** tại **xã N, huyện N, tỉnh Nam Định** với mức thu nhập bình quân từ 6,5 triệu - 8,5 triệu đồng, chi nhận thấy có đủ điều kiện để chăm sóc tốt cho các con nên chi không yêu cầu anh **Đ** phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chi.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chi **Q** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh **Đ** đến làm việc, anh **Đ** cho biết: Thời gian và điều kiện kết hôn giữa anh chi phù hợp như chi **Q** trình bày. Quá trình chung sống giữa anh và chi **Q** không có mâu thuẫn trực tiếp với nhau mà chủ yếu mâu thuẫn phát sinh giữa anh và mẹ vợ. Phía gia đình nhà vợ luôn quy chụp, áp đặt nhiều sự việc không tốt về anh. Chi **Q** thì luôn nghe mẹ, chủ động về nhà mẹ để sống ly thân với anh từ khoảng hơn một tháng nay. Anh xác định tình cảm giữa anh và chi **Q** vẫn còn, anh vẫn còn yêu thương vợ, con nên đề nghị Tòa án tạo điều kiện để vợ chồng anh có cơ hội hàn gắn đoàn tụ để con được chung sống cùng cả bố và mẹ.

Về con chung: Giữa anh và chi **Q** có 03 con chung như chi **Q** trình bày, hiện nay cả 03 con chung đang ở cùng chi **Q**. Nếu vợ chồng ly hôn, anh có quan điểm không muốn chia tách các cháu ra mỗi đứa một nơi, anh có nguyện vọng xin được nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu chi **Q** phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh mới đi làm công nhân tại **công ty TNHH MTV Đ1**. Anh ký hợp đồng với công ty được gần 01 tháng nay với mức lương là 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Trong đơn trình bày nguyện vọng của cháu **Trịnh Quang A**, sinh ngày 11/9/2014 trình bày nguyện vọng xin được ở cùng bố **Trịnh Xuân Đ**.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, anh **Đ** có mặt, chi **Q** xin vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chi **Q** theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chi **Q** trình bày: Về tình cảm chi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chi được ly hôn anh **Đ**. Về con chung: có 03 con chung là **Trịnh Quang A**, sinh ngày 11/9/2014, **Trịnh Lê Q1**, sinh ngày 10/01/2017 và **Trịnh An N**, sinh ngày 23/6/2020 hiện nay đang ở cùng chi. Chi xin nuôi dưỡng cả 03 con chung, không yêu cầu anh **Đ** cấp dưỡng nuôi con chung cùng chi. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chi **Q** không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh **Trịnh Xuân Đ** trình bày: Về tình cảm anh xác định còn thương yêu chị **Q**, mong muốn vợ chồng được đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh không muốn chia tách các con nên xin được nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu chị **Q** cấp dưỡng nuôi con chung. Chị **Q** có nguyện vọng nuôi con thì anh đồng ý để cả 03 con chung cho chị **Q** nuôi dưỡng, không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Anh **Đ** không đề nghị Tòa án giải quyết.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” do nguyên đơn chị **Vũ Thị Q** thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh **Trịnh Xuân Đ** có nơi cư trú tại **xóm E, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định** nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Vũ Thị Q** và anh **Trịnh Xuân Đ** tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 22/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã **Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định**. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa anh, chị không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, hay xảy ra va chạm dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị **Q** đã chủ động về nhà mẹ đẻ sống, hiện nay anh, chị đang sống ly thân. Chị **Q** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn với anh **Đ**. Về phía anh **Đ**, mặc dù không muốn ly hôn, muốn được đoàn tụ, tuy nhiên trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cả hai anh chị không tìm ra được biện pháp gì để hàn gắn. Chị **Q** có đơn xin vắng mặt, đề nghị không tiến hành hòa giải. Điều đó, chứng tỏ chị **Q** không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với anh **Đ** nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị **Q**, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị **Q** và anh **Đ** có 03 con chung là **Trịnh Quang A**, sinh ngày 11/9/2014, **Trịnh Lê Q1**, sinh ngày 10/01/2017 và **Trịnh An N**, sinh ngày 23/6/2020, hiện nay cả 03 con chung hiện nay đang ở cùng chị **Q**. Mặc dù, chị **Q**, anh **Đ** cùng có nguyện vọng xin nuôi dưỡng cả 03 con chung nhưng tại phiên tòa, anh **Đ** không muốn chia rẽ các con và cũng nhất trí giao cả 03 con cho chị **Q** nuôi dưỡng. Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm, nghĩa vụ, là quyền lợi của cha mẹ. Vì vậy, nguyện vọng xin được nuôi con sau khi ly hôn của chị **Q**, anh **Đ** đều là nguyện vọng chính đáng. Xét về điều kiện thực tế, hiện nay chị **Q** đang làm công nhân tại **công ty G** tại **xã N, huyện N, tỉnh Nam Định** với mức thu

nhập trung bình 6,5 triệu - 8,5 triệu đồng/tháng, chị **Q** có chỗ ở, có nghề nghiệp thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc và nuôi dạy con chung. Vì vậy, để các con chung phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị **Q**, anh **Đ**, tiếp tục giao cả 03 con chung cho chị **Q** trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị **Q** không yêu cầu anh **Đ** cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị **Q**, anh **Đ** không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Các đương phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị **Vũ Thị Q** và anh **Trịnh Xuân Đ**.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là cháu **Trịnh Quang A**, sinh ngày 11/9/2014; cháu **Trịnh Lê Q1**, sinh ngày 10/01/2017 và cháu **Trịnh An N**, sinh ngày 23/6/2020 cho chị **Vũ Thị Q** nuôi dưỡng. Chị **Q** không yêu cầu anh **Đ** cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị **Vũ Thị Q** phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002510, ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị **Q** đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị **Vũ Thị Q** và anh **Trịnh Xuân Đ** có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Nhân;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Bùi Thị Ngọc Bích**